TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tám.

2. Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Bùi Lê Lộc - là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, Phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị Ngọc H, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại Đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 01/7/2022, biên bản hòa giải và biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đinh Thị Ngọc H chung sống như vợ chồng với nhau năm 1978, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì ông và bà H sống chung được thời gian khoảng hơn 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cuộc sống. Cuối năm 1990, ông có làm đơn xin ly hôn với bà H nhưng Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xử không chấp nhận cho ông ly hôn. Từ đó đến nay, giữa ông và bà H cũng không

hòa hợp được, mà mỗi người sống riêng, nhà của ai thì người đó ở, không ai quan tâm ai. Ông và bà H đã sống trong tình trạng lt thân nhau đến nay đã hơn 30 năm. Nay ông muốn có bản án của Tòa án tuyên bố chấm dứt mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H để không còn ràng buộc nhau về mặt luật pháp nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đinh Thị Ngọc H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh năm 1980, do con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn bà Đinh Thị Ngọc H từ khi thụ lý vụ án đến quá trình hòa giải, kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và tham dự phiên tòa sơ thẩm dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà H vẫn vắng mặt.*

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giữa ông Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Đinh Thị Ngọc H, căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp "Xin ly hôn".

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy bà Đinh Thị Ngọc H có địa chỉ tại xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập lần thứ 2 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng các mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Ngọc H về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1978 và có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn, căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội: "Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Toà án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000", tuy ông T và bà H không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên cũng thừa nhận việc xác lập hôn nhân, chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1978 trong Bản án số 09/HNST ngày 19/10/1990 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy nên hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Ngọc H là hôn nhân

thực tế, được pháp luật công nhận. Nay, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn là đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét.

Ông T và bà H chung sống với nhau được 06 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng tính tình không hợp nhau thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không hạnh phúc, đến năm 1990 ông T đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng không được chấp nhận. Từ đó đến nay ông T và bà H cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm, không quan tâm chăm sóc, không còn liên hệ gì với nhau mà sống ly thân đến nay đã 30 năm. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm bà H không có ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và vắng mặt không tham dự hòa giải, công khai tài liệu chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã trầm trọng, không còn chung sống chung, không cùng chăm lo con cái, gia đình, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có phương án hay điều kiện gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn yêu thương nhau; những mâu thuẫn giữa vợ, chồng không thể hòa giải được; quan hệ vợ chồng rạn nứt đến nỗi không thể hàn gắn được; việc vợ chồng tiếp tục chung sống làm ảnh hưởng xấu tới cuộc sống của những thành viên trong gia đình; hôn nhân trên thực tế không còn tồn tại, sự tồn tại quan hệ hôn nhân đó không thể xây dựng được một gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Xét thấy cần thiết cho ông T và bà H ly hôn với nhau.

[5] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Ngọc H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh năm 1980, đã trưởng thành và có khả năng tự lao động, ông T cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Ông T khai tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, Điều 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 53, 56, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 85, 87, 89, 91,

95 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Đinh Thị Ngọc H.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh năm 1980, do con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T được miễn nộp tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Ngọc H được quyền kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã C;
- CCTHADS thị xã C;
- Phòng Tư pháp thị xã C;
- UBND xã Long Khánh;
- UBND Phường 1;
- Đương sự
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp